

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV24B1  
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

| STT | MSHS          | Họ và tên               | Ngày sinh  | Giáo dục thể chất(1) | Tiếng anh(4) | Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1) | Bảng tính điện tử(3) | Tiếng anh chuyên ngành(2) | Kỹ năng mềm(2) | Thiết kế trình diễn trên máy tính(3) | Điểm TB | Xếp loại   |
|-----|---------------|-------------------------|------------|----------------------|--------------|------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------|--------------------------------------|---------|------------|
| 01  | 2454802030341 | Nguyễn Quốc Bảo         | 10/09/2009 | 7.8                  | 5.8          | 7.6                          | 6.8                  | 9.0                       | 6.7            | 6.2                                  | 6.7     | Trung bình |
| 02  | 2454802030344 | Ab Dus Sa Lam A Fan Di  | 20/03/2009 | 10.0                 | 5.9          | 7.7                          | 6.0                  | 9.2                       | 7.4            | 6.0                                  | 6.7     | Trung bình |
| 03  | 2454802030346 | Đỗ Thành Đức            | 19/01/2006 | 9.4                  | 5.6          | 7.2                          | 7.9                  | 6.9                       | 6.2            | 6.9                                  | 6.7     | Trung bình |
| 04  | 2454802030348 | Mu Ham Mad Ary Fiên     | 23/08/2009 | 9.9                  | 5.4          | 6.7                          | 6.8                  | 7.9                       | 6.4            | 5.4                                  | 6.2     | Trung bình |
| 05  | 2454802030349 | Nghiêm Đức Hà           | 01/05/2009 | 6.6                  | 5.0          | 6.0                          | 8.3                  | 6.5                       | 6.1            | 8.5                                  | 6.8     | Trung bình |
| 06  | 2454802030350 | Ysa Zain Hisaan         | 27/05/2009 | 9.8                  | 6.9          | 7.7                          | 9.4                  | 8.7                       | 7.0            | 9.5                                  | 8.2     | Giỏi       |
| 07  | 2454802030351 | Lê Hoàng Huy            | 30/10/2009 | 9.2                  | 5.8          | 7.1                          | 9.2                  | 6.3                       | 6.3            | 8.9                                  | 7.3     | Khá        |
| 08  | 2454802030353 | Trần Lê Phúc Khang      | 05/01/2009 | 8.9                  | 6.0          | 7.0                          | 8.2                  | 7.6                       | 6.7            | 8.9                                  | 7.4     | Khá        |
| 09  | 2454802030354 | Ngô Đức Minh Khoa       | 19/10/2009 | 8.5                  | 5.3          | 8.3                          | 7.6                  | 6.9                       | 6.4            | 7.0                                  | 6.7     | Trung bình |
| 10  | 2454802030355 | Võ Đăng Khoa            | 19/09/2009 | 9.8                  | 5.9          | 7.3                          | 7.9                  | 7.3                       | 6.9            | 6.1                                  | 6.8     | Trung bình |
| 11  | 2454802030356 | Phạm Thành Luân         | 04/07/2009 | 6.2                  | 6.3          | 6.6                          | 5.0                  | 7.4                       | 5.3            | 6.0                                  | 6.0     | Trung bình |
| 12  | 2454802030357 | Trần Sỹ Luân            | 05/10/2009 | 6.9                  | 6.1          | 9.4                          | 6.9                  | 9.2                       | 6.4            | 5.7                                  | 6.9     | Trung bình |
| 13  | 2454802030358 | Trần Thị Tuyết Mai      | 18/03/2009 | 8.4                  | 7.4          | 7.5                          | 8.9                  | 9.4                       | 7.1            | 8.2                                  | 8.1     | Giỏi       |
| 14  | 2454802030359 | Đinh Thị Hà My          | 05/09/2009 | 7.5                  | 5.5          | 6.1                          | 9.3                  | 8.0                       | 6.5            | 9.1                                  | 7.5     | Khá        |
| 15  | 2454802030361 | Nguyễn Trần Kim Ngọc    | 25/01/2009 | 6.4                  | 5.4          | 7.0                          | 9.1                  | 6.9                       | 6.5            | 8.3                                  | 7.2     | Khá        |
| 16  | 2454802030362 | Thái Nguyễn Minh Ngọc   | 25/07/2009 | 6.5                  | 6.1          | 8.3                          | 5.6                  | 6.7                       | 7.1            | 5.7                                  | 6.3     | Trung bình |
| 17  | 2454802030363 | La Huỳnh Phương Như     | 04/10/2009 | 0.0                  | 0.0          | 0.0                          | 0.0                  | 0.0                       | 0.0            | 0.0                                  | 0.0     | Yếu        |
| 18  | 2454802030364 | Võ Thành Nhựt           | 11/10/2009 | 3.8                  | 2.5          | 2.1                          | 2.1                  | 2.9                       | 1.8            | 2.0                                  | 2.3     | Yếu        |
| 19  | 2454802030365 | Châu Mus Ta Pha         | 16/07/2008 | 5.4                  | 5.4          | 7.3                          | 7.1                  | 5.9                       | 6.6            | 5.1                                  | 6.0     | Trung bình |
| 20  | 2454802030366 | Huỳnh Hồng Pháp         | 04/08/2009 | 0.0                  | 0.0          | 0.0                          | 0.0                  | 0.0                       | 0.0            | 0.0                                  | 0.0     | Yếu        |
| 21  | 2454802030368 | Trương Kim Khánh Phương | 14/03/2008 | 0.0                  | 0.4          | 0.0                          | 0.0                  | 0.0                       | 0.0            | 0.0                                  | 0.1     | Yếu        |

| STT | MSHS          | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Giáo dục thể chất(1) | Tiếng anh(4) | Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1) | Bảng tính điện tử(3) | Tiếng anh chuyên ngành(2) | Kỹ năng mềm(2) | Thiết kế trình diễn trên máy tính(3) | Điểm TB    | Xếp loại   |
|-----|---------------|------------------|-------|------------|----------------------|--------------|------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------|--------------------------------------|------------|------------|
| 22  | 2454802030369 | Thái Anh         | Quân  | 25/03/2008 | 6.2                  | 5.3          | 7.3                          | 7.7                  | 7.2                       | 5.5            | 7.9                                  | <b>6.7</b> | Trung bình |
| 23  | 2454802030370 | Lê Thị Thanh     | Thảo  | 04/11/2008 | 9.4                  | 6.7          | 7.3                          | 7.9                  | 7.5                       | 6.1            | 5.5                                  | <b>6.8</b> | Trung bình |
| 24  | 2454802030371 | Nguyễn Thụy Minh | Thư   | 06/06/2007 | 8.0                  | 9.0          | 7.9                          | 9.4                  | 10.0                      | 8.5            | 9.8                                  | <b>9.2</b> | Xuất sắc   |
| 25  | 2454802030372 | Đặng Văn         | Toàn  | 26/01/2009 | 6.2                  | 5.3          | 6.5                          | 7.6                  | 6.3                       | 5.3            | 6.0                                  | <b>6.1</b> | Trung bình |
| 26  | 2454802030373 | Trần Văn         | Trọng | 14/09/2008 | 8.8                  | 5.6          | 6.1                          | 8.5                  | 9.3                       | 6.3            | 8.0                                  | <b>7.3</b> | Khá        |
| 27  | 2454802030374 | Đặng Bảo Quốc    | Trung | 31/08/2009 | 8.1                  | 5.6          | 6.1                          | 7.8                  | 6.3                       | 5.6            | 6.7                                  | <b>6.4</b> | Trung bình |
| 28  | 2454802030375 | Châu Thị Cẩm     | Tú    | 26/12/2009 | 6.6                  | 7.0          | 7.2                          | 7.9                  | 5.9                       | 6.3            | 7.0                                  | <b>7.0</b> | Khá        |
| 29  | 2454802030376 | Huỳnh Thu        | Vân   | 18/06/2009 | 6.2                  | 8.0          | 8.3                          | 8.7                  | 7.3                       | 7.2            | 7.1                                  | <b>7.8</b> | Khá        |
| 30  | 2454802030378 | Huỳnh Kim        | Yến   | 25/09/2008 | 7.6                  | 5.1          | 6.3                          | 9.1                  | 6.0                       | 7.1            | 5.3                                  | <b>6.4</b> | Trung bình |

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TP. Đào tạo**

*Châu Đốc, ngày 31 tháng 07 năm 2025*  
**Người lập bảng**

**Ths. Trần Thanh Dũng**

**Trần Quốc Thái**